

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA
TỈNH TUYÊN QUANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26/9/2022

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tường Thị Thu; bà Triệu Thị Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Hanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Sầm Thị V, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn Nà T, xã Yên L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn Nà T, xã Yên L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Sầm Thị V trình bày: Chị và anh Trần Văn M kết hôn vào ngày 13/02/2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang, chị và anh M kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại xã Cấp T, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Quang một thời gian ngắn thì chuyển về sinh sống tại thôn Nà T, xã Yên L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M thường xuyên uống rượu say rồi chửi bới, đánh đập chị nhiều lần, dẫn đến cuộc

sống chung hết sức căng thẳng, chị đã cố gắng chịu đựng nhưng anh M vẫn không chịu thay đổi. Khi mâu thuẫn xảy ra chị đã nhờ hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn không thể khắc phục. Đến năm 2019 mâu thuẫn trở nên trầm trọng, vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn M.

Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung tên là Trần Thị Th, sinh ngày 24/10/2007 và Trần Quốc T, sinh ngày 14/02/2013. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Xác minh tại địa phương được biết: Chị Sầm Thị V và anh Trần Văn M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Nà T, xã Yên L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang, chị V và anh M kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, sau đó sinh sống tại thôn Nà T, xã Yên L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh M báo cáo là do chị V đi làm công nhân xa nhà, chị V không về thăm chồng con, không gửi tiền về hỗ trợ anh M để chăm lo cho gia đình, con cái, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chị V và anh M đã sống ly thân đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa, anh M hiện tại vẫn đang ở tại địa phương, sáng đi làm tối về nhà. Chị V và anh M có 02 con chung là cháu Trần Thị T, sinh ngày 24/10/2007 và cháu Trần Quốc T, sinh ngày 14/02/2013.

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp việc kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Văn M đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án (mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng). Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Sầm Thị V vắng mặt, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M; về con chung chị V đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Quốc T, anh M là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; về tài sản chung, chị V xác định tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết; về vay nợ chung, chị V xác định không có, không đề nghị giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, của Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia

đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sầm Thị V, cho chị Sầm Thị V được ly hôn với anh Trần Văn M.

- Về con chung: Giao con chung là Trần Thị T, sinh ngày 24/10/2007 cho anh Trần Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung là Trần Quốc T, sinh ngày 14/02/2013 cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị V và anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Sầm Thị V xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không đề nghị xem xét giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Sầm Thị V xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đề nghị xem xét giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Sầm Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Trần Văn M không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Sầm Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn với anh Trần Văn M có hộ khẩu thường trú tại thôn Nà T, xã Yên L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Sầm Thị V vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn M đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Sầm Thị V và anh Trần Văn M có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/02/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Yên L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ

chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M thường xuyên uống rượu say rồi chửi bới, đánh đập chị V, dẫn đến cuộc sống chung hết sức căng thẳng, chị V đã cố gắng chịu đựng nhưng anh M vẫn không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng vẫn không thể khắc phục được. Đến năm 2019 mâu thuẫn trở nên trầm trọng, nên chị V và anh M đã sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị V và anh M không có sự gắn kết, chia sẻ trong cuộc sống để xây dựng một gia đình hạnh phúc; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, thực tế chị V và anh M đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Như vậy, tình cảm vợ chồng chị V không còn, tình trạng hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sầm Thị V, xử cho chị V được ly hôn anh M.

- Về con chung: Chị Sầm Thị V và anh Trần Văn M có 02 con chung là Trần Thị Th, sinh ngày 24/10/2007 và Trần Quốc T, sinh ngày 14/02/2013. Chị V đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Toàn; còn anh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy chị V và anh M đều có điều kiện trông nom, nuôi dưỡng con chung như nhau, cháu Th có nguyện vọng ở với anh M, cháu T có nguyện vọng ở với chị V, nên Hội đồng xét xử xét giao cháu T cho chị V trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Th cho anh M trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị V và anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Sầm Thị V xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Sầm Thị V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Chị Sầm Thị V phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định. Anh Trần Văn M không phải chịu án phí.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ vào*: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- *Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Sầm Thị V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Sầm Thị V được ly hôn với anh Trần Văn M.

2. Về con chung: Xử giao con chung là Trần Thị Th, sinh ngày 24/10/2007 cho anh Trần Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung là Trần Quốc T, sinh ngày 14/02/2013 cho chị Sầm Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị V và anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Sầm Thị V phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị V đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0005326 ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Chị V đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Chị Sầm Thị V và anh Trần Văn M vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- THADS huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Yên Lập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Mạnh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tưởng Thị Thu

Triệu Thị Yên

Hoàng Mạnh Tuấn